



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15  
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616

Email: [vaco HCM@vaco.com.vn](mailto:vaco HCM@vaco.com.vn)

Website: [www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên
Ông Phạm Công Sinh	Thành viên
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Phan Minh Sáng**  
**Tổng Giám đốc**  
Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số 082 /VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN - ĐKHN Kiểm toán số 0657-2015-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016		01/01/2016	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>657.680.852.600</b>		<b>1.321.090.082.697</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>29.384.810.110</b>		<b>228.710.160.100</b>	
1. Tiền	111		26.384.810.110		228.710.160.100	
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000		-	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>11</b>	<b>280.675.000.000</b>		<b>419.947.046.945</b>	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		150.755.000.000		202.192.046.945	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		129.920.000.000		217.755.000.000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>159.364.392.592</b>		<b>460.532.684.880</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	139.307.777.638		147.934.512.695	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.458.104.446		21.155.317.657	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	-		257.266.937.500	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.425.754.019		51.829.629.506	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(20.827.243.511)		(17.673.933.143)	
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-		20.220.665	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>170.191.178.385</b>		<b>186.343.834.299</b>	
1. Hàng tồn kho	141		172.308.664.568		188.461.320.482	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.117.486.183)		(2.117.486.183)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.065.471.513</b>		<b>25.556.356.473</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.641.648.876		3.301.478.862	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	11.973.894.524		21.075.596.730	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.449.928.113		1.179.280.881	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.581.933.431.532</b>		<b>634.561.196.378</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.914.105.000</b>		<b>10.398.788.743</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		8.904.105.000		10.371.628.743	
2. Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000		27.160.000	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>231.778.089.176</b>		<b>162.510.673.981</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	129.603.996.841		121.608.047.694	
- Nguyên giá	222		215.197.674.225		199.292.185.335	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.593.677.384)		(77.684.137.641)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	102.174.092.335		40.902.626.287	
- Nguyên giá	228		106.563.989.918		43.563.989.918	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.389.897.583)		(2.661.363.631)	
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.175.361.974</b>		<b>13.854.278.471</b>	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3.680.210.864		3.306.981.265	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.495.151.110		10.547.297.206	
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>938.526.960.000</b>		<b>405.846.960.000</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	423.224.780.000		402.544.780.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.302.180.000		3.302.180.000	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11	512.000.000.000		-	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>377.960.968.590</b>		<b>29.729.329.125</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	35.839.181.053		29.729.329.125	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		571.289.537		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268	16	341.550.498.000		-	
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>11.577.946.792</b>		<b>12.221.166.058</b>	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.239.614.284.132</b>		<b>1.955.651.279.075</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016		01/01/2016	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>263.269.818.461</b>		<b>245.472.820.558</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>251.955.976.301</b>		<b>243.342.720.558</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	100.867.228.506		98.859.333.152	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.633.081.919		1.980.016.960	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.270.069.381		17.114.587.781	
4. Phải trả người lao động	314		19.658.489.569		16.004.294.367	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	21.669.519.584		11.450.183.790	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		31.012.358.845		2.388.138.537	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	63.830.420.307		90.518.049.781	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.014.808.190		5.028.116.190	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.313.842.160</b>		<b>2.130.100.000</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	337		323.514.600		-	
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	10.990.327.560		2.130.100.000	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.976.344.465.671</b>		<b>1.710.178.458.517</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.976.344.465.671</b>		<b>1.710.178.458.517</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.476.480.840.000		1.476.480.840.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.476.480.840.000		1.476.480.840.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.132.054.106		37.132.054.106	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.532.010.723		7.532.010.723	
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500		127.728.500	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.121.114.443		113.324.947.177	
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111.473.022.819		5.078.320.649	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.648.091.624		108.246.626.528	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		311.950.717.899		75.580.878.011	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.239.614.284.132</b>		<b>1.955.651.279.075</b>	
(440 = 300 + 400)						



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02a-DN/HN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		967.715.655.967	457.863.311.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		22.403.448.030	4.125.484.443
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	23	945.312.207.937	453.737.827.489
4. Giá vốn hàng bán	11	24	840.106.127.542	360.754.846.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		105.206.080.395	92.982.980.491
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	28.777.276.634	49.030.963.993
7. Chi phí tài chính	22	27	6.858.350.416	3.737.953.007
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.204.329.494	2.968.635.197
8. Chi phí bán hàng	25	28	70.292.754.718	27.654.897.841
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	22.773.706.823	11.551.578.616
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		34.058.545.072	99.069.515.020
11. Thu nhập khác	31		888.505.096	2.288.558.312
12. Chi phí khác	32		440.246.999	15.309.349
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		448.258.097	2.273.248.963
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.506.803.169	101.342.763.983
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.022.085.552	15.114.146.219
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(571.289.537)	300.006.181
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		32.056.007.154	85.928.611.583
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		31.648.091.624	81.763.264.325
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		407.915.530	4.165.347.258
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	29	214	2.289



Phan Minh Sáng  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Trần Tấn Long Thạch  
 Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

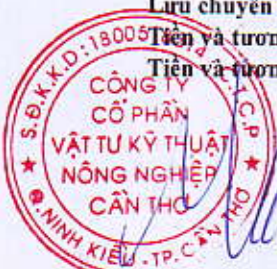
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.506.803.169	101.342.763.983
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.818.486.227	7.297.887.506
- Các khoản dự phòng	03	3.153.310.368	2.715.827.136
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	32.942.200	(178.927.880)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(24.474.511.493)	(34.588.517.516)
- Chi phí lãi vay	06	3.204.329.494	282.692.102
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.241.359.965	76.871.725.331
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(18.879.415.386)	(32.523.446.658)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	15.779.426.315	(77.226.671.907)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.861.749.388	37.940.026.978
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(6.450.021.942)	(185.799.845)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	51.437.046.945	(213.258.446.945)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.203.949.848)	(744.773.811)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.708.159.432)	(3.657.031.740)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	643.219.266	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.784.597.537)	(1.270.707.954)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>94.936.657.734</b>	<b>(214.055.126.551)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(14.070.250.012)	(8.367.573.769)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	429.090.909	456.363.636
3. Tiền chi cho vay	23	(873.670.000.000)	(776.576.418.683)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	706.771.937.500	452.886.247.560
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(362.230.498.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.025.113.793	283.381.162
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(513.744.605.810)</b>	<b>(331.318.000.094)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	237.310.000.000	568.000.458.798
2. Tiền thu từ đi vay	33	218.881.868.117	262.555.092.390
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(236.709.270.031)	(236.380.077.972)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>219.482.598.086</b>	<b>594.175.473.216</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(199.325.349.990)</b>	<b>48.802.346.571</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	228.710.160.100	25.382.030.478
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	<b>29.384.810.110</b>	<b>74.184.377.049</b>



Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 1.476.480.840.000 đồng, tương đương 147.648.084 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông của Công ty như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	83.700.523	837.005.230.000	56,69%
Cổ đông khác	63.947.561	639.475.610.000	43,31%
<b>Cộng</b>	<b>147.648.084</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 1837 người (tại ngày 31/12/2015 là 1001 người).

**Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh****Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm); Bán buôn đồ uống; Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác; Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho - những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường; Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất Nhập Khẩu Miền Tây	Cần Thơ	95,45	95,45	Chế biến nông sản
Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC	Cần Thơ	91,50	93,42	Kinh doanh hạt giống
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	TP. HCM	77,67	77,67	Kinh doanh hạt giống
Công ty Cổ phần Fit Consumer	TP. HCM	79,35	81,72	Kinh doanh hàng tiêu dùng
Công ty Cổ phần Nông Dược TSC	Long An	89,94	89,94	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Hậu Giang	94,22	98,00	Chế biến nông sản

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến cuối kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

***Các khoản đầu tư tài chính***

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và thông tư 200/2014/TT-BTC do bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các công ty trong Tập đoàn FIT	Nhân sự chủ chốt

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	368.266.824	207.095.870
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.016.543.286	228.503.064.230
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>29.384.810.110</u></b>	<b><u>228.710.160.100</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	-	11.853.618.870
Công ty TNHH Nông Nghiệp Nhật Nguyệt	8.904.105.000	10.371.628.743
Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi Thái Dương	25.245.141.900	9.496.790.350
Công ty World Foods And Flavours SLU	-	9.606.265.200
DNTN Quý Hằng	-	3.881.487.442
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
Công ty Maxwell (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
Đại lý Vật tư Nông Nghiệp Tích Thảo	2.212.065.189	2.212.065.189
Công ty Mậu Dịch Hồng Lam Bằng Tường Quảng Tây	540.179.977	1.612.815.384
Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông Thôn	14.913.294.000	-
Trạm bảo vệ thực vật Nghĩa Đàn	1.968.469.000	210.349.000
Công ty cổ phần hạt giống TSB	1.497.125.000	-
Công ty CP giống cây trồng Kiên Giang	1.541.310.000	1.541.310.000
Các đối tượng khác	75.457.202.613	89.984.297.558
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại F.I.T Việt Nam	-	135.000.000
	<b><u>139.307.777.638</u></b>	<b><u>147.934.512.695</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tổ chức	-	198.682.000.000
Cá nhân	-	58.584.937.500
	<u>-</u>	<u>257.266.937.500</u>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy Sản Minh Phú Hậu Giang	-	30.000.000.000
Các khoản phải thu khác	6.425.754.019	21.829.629.506
	<u>6.425.754.019</u>	<u>51.829.629.506</u>

**9. NỢ XẤU**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	-	3.520.298.545	-
Maxwill (ASIA) PTE LTD	3.508.884.959	-	3.508.884.959	-
Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật An Hưng Phát	1.175.000.000	-	1.485.000.000	742.500.000
Đại Lý VTNN Tích Thảo	2.212.065.189	-	2.212.065.189	-
Hộ Kinh Doanh Tấn Tài	932.303.200	-	1.434.303.200	430.290.960
Công ty TNHH Sản Xuất TM Hải Hằng	1.705.575.215	484.547.217	1.855.575.215	651.533.303
Các đối tượng khác	18.787.510.935	10.529.548.771	15.688.196.555	10.206.066.257
<b>Cộng</b>	<u>31.841.339.499</u>	<u>11.014.095.988</u>	<u>29.704.323.663</u>	<u>12.030.390.520</u>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	67.780.477.105	-	52.686.102.304	-
Công cụ, dụng cụ	450.851.267	-	499.045.830	-
Thành phẩm	37.290.887.856	(2.117.486.183)	40.801.175.554	(2.117.486.183)
Hàng hóa	56.143.573.163	-	78.759.937.232	-
Hàng gửi bán	10.642.875.177	-	15.715.059.562	-
<b>Cộng</b>	<u>172.308.664.568</u>	<u>(2.117.486.183)</u>	<u>188.461.320.482</u>	<u>(2.117.486.183)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

**II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh				
- Tổng giá trị cổ phiếu	150.755.000.000	150.755.000.000	-	202.192.046.945
Chứng khoán niêm yết	-	-	-	63.867.046.945
Chứng khoán không niêm yết	150.755.000.000	150.755.000.000	-	138.325.000.000

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 30/06/2016 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.

	6/30/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1) Ngắn hạn (i)				
- Tiền gửi có kỳ hạn	129.920.000.000	129.920.000.000	217.755.000.000	217.755.000.000
- Hợp tác đầu tư với tổ chức	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
- Hợp tác đầu tư với cá nhân	99.920.000.000	99.920.000.000	105.827.500.000	105.827.500.000
b2) Dài hạn (ii)				
- Trái phiếu	512.000.000.000	512.000.000.000	-	-
	512.000.000.000	512.000.000.000	-	-

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, thời hạn hợp tác đầu tư quy định trong hợp đồng là dưới 12 tháng và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn thực góp của Công ty mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.

(ii) Khoản đầu tư mua trái phiếu của Doanh nghiệp với kỳ hạn là 5 năm, với lãi suất là 5%/năm nếu đến thời điểm đáo hạn công ty không chuyển đổi sang cổ phiếu của Doanh nghiệp.

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- CTCP Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Sao nam	423.224.780.000	-	423.224.780.000	402.544.780.000
Cộng	423.224.780.000	-	423.224.780.000	402.544.780.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THƠ**

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09a-DN/HN****12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	114.235.868.492	66.274.828.900	17.768.592.907	915.485.390	97.409.646	199.292.185.335
- Phân loại số dư đầu kỳ	-	(404.317.700)	-	404.317.700	-	-
- Mua trong năm	-	3.719.798.684	768.110.000	834.285.707	-	5.322.194.391
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.117.882.681	-	-	-	-	11.117.882.681
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(495.800.000)	(38.788.182)	-	(534.588.182)
Tại ngày 30/06/2016	125.353.751.173	69.590.309.884	18.040.902.907	2.115.300.615	97.409.646	215.197.674.225
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2016	40.860.289.263	31.863.125.748	4.468.800.309	394.512.675	97.409.646	77.684.137.641
- Khấu hao trong năm	3.802.840.538	3.274.694.578	925.647.023	86.770.136	-	8.089.952.275
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(141.624.350)	(38.788.182)	-	(180.412.532)
Tại ngày 30/06/2016	44.663.129.801	35.137.820.326	5.252.822.982	442.494.629	97.409.646	85.593.677.384
Giá trị còn lại	73.375.579.229	34.411.703.152	13.299.792.598	520.972.715	-	121.608.047.694
Tại ngày 01/01/2016	80.690.621.372	34.452.489.558	12.788.079.925	1.672.805.986	-	129.603.996.841
Tại ngày 30/06/2016						

Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định là tài sản đề thế chấp cho các khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 là 81.891.611.028 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 70.407.073.616 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 20.697.558.455 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 25.287.179.128 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bộ thương hiệu thuộc BVTV	Bản quyền nhân thuốc	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	23.227.626.283	20.200.000.000	136.363.635	43.563.989.918
- Tăng khác	63.000.000.000	-	-	63.000.000.000
Tại ngày 30/06/2016	86.227.626.283	20.200.000.000	136.363.635	106.563.989.918
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	-	2.524.999.996	136.363.635	2.661.363.631
- Khấu hao trong năm	718.533.954	1.009.999.998	-	1.728.533.952
Tại ngày 30/06/2016	718.533.954	3.534.999.994	136.363.635	4.389.897.583
Giá trị còn lại				-
Tại ngày 01/01/2016	23.227.626.283	17.675.000.004	-	40.902.626.287
Tại ngày 30/06/2016	85.509.092.329	16.665.000.006	-	102.174.092.335

Tài sản cố định tăng khác trong năm là giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đó, số tiền này được theo dõi trên chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn hạch toán tại thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013. Đây là lô đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, gồm 64.570 m<sup>2</sup> đất có thời hạn sử dụng đến ngày 13/08/2059 và 5.433,4 m<sup>2</sup> đất có thời hạn sử dụng đến ngày 20/12/2061.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 là 13.194.675.585 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 13.194.675.585 đồng) để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ tại theo hợp đồng thế chấp số 72.73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	21.075.596.730	17.791.634.441	26.893.336.647	11.973.894.524
Thuế TNDN	1.179.280.881	1.329.415.981	58.768.749	2.449.928.113
Cộng	22.254.877.611	19.121.050.422	26.952.105.396	14.423.822.637
	01/01/2016	Số phải nộp	Số thực nộp trong	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.940.633	4.015.451.975	3.069.228.027	948.164.581
Thuế thu nhập cá nhân	133.903.698	1.746.920.384	1.122.236.084	758.587.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.978.743.450	3.022.085.552	17.437.512.200	2.563.316.802
Tiền thuê đất	-	135.998.175	135.998.175	-
Các loại thuế khác	-	25.000.000	25.000.000	-
Cộng	17.114.587.781	8.945.456.086	21.789.974.486	4.270.069.381

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>		
Tiền thuê đất nhà máy Công ty CP Nông dược TSC	26.534.153.532	26.840.906.754
Công cụ dụng cụ và các khoản khác	9.305.027.521	2.888.422.371
	<u><b>35.839.181.053</b></u>	<u><b>29.729.329.125</b></u>

Tiền thuê đất là khoản tiền mà Công ty Cổ phần Nông Dược TSC trả trước để thuê đất tại Khu Công Nghiệp Đức Hòa 1 tỉnh Long An để xây nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh, thời gian thuê từ năm 2009 đến năm 2058 với số tiền thuê gốc là 33.713.467.170 đã bao gồm VAT.

**16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác là khoản tiền ký quỹ mua cổ phiếu Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa.

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Hà Dũng	6.505.744.700	6.505.744.700	9.441.746.025	9.441.746.025
Công ty TNHH Đầu Tư & Thương Mại TTL	-	-	1.848.000.000	1.848.000.000
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Thái Dương	18.053.863.500	18.053.863.500	-	-
Công ty TNHH Thái Dương	13.146.283.500	13.146.283.500	-	-
Công ty CP Đầu tư Thái Dương	5.479.458.300	5.479.458.300	-	-
Công ty Nongfeng Agrochem Co., Ltd	20.217.979.450	20.217.979.450	30.969.757.140	30.969.757.140
Công ty Cổ Phần PHL	487.468.226	487.468.226	438.544.046	438.544.046
Công ty TNHH Pioneer Hi-Bred Việt Nam	20.785.346.420	20.785.346.420	30.606.960.517	30.606.960.517
Công ty Sudima International Ltd	-	-	9.965.075.724	9.965.075.724
Công ty cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	9.419.103.317	9.419.103.317	-	-
Các đối tượng khác	6.771.981.093	6.771.981.093	15.589.249.700	15.589.249.700
<b>Cộng</b>	<u><b>100.867.228.506</b></u>	<u><b>100.867.228.506</b></u>	<u><b>98.859.333.152</b></u>	<u><b>98.859.333.152</b></u>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước CP chiết khấu, hoa hồng bán hàng	17.417.898.888	8.617.209.858
Chi phí vận chuyển	1.110.000.000	969.225.999
Khác	3.141.620.696	1.863.747.933
<b>Cộng</b>	<u><b>21.669.519.584</b></u>	<u><b>11.450.183.790</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Chi tiết các khoản vay như sau:

	30/06/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		VND				trả nợ
Vay ngắn hạn	60.161.820.307	60.161.820.307	205.892.340.557	235.639.970.031	89.909.449.781	89.909.449.781
Vay dài hạn						
đến hạn trả	3.668.600.000	3.668.600.000	3.364.300.000	304.300.000	608.600.000	608.600.000
	<b>63.830.420.307</b>	<b>63.830.420.307</b>	<b>209.256.640.557</b>	<b>235.944.270.031</b>	<b>90.518.049.781</b>	<b>90.518.049.781</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Công ty như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	19.070.746.158	25.968.288.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cần Thơ	19.761.039.393	37.079.172.261
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN HCM	21.330.034.756	-
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	-	14.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn CN 4	-	12.861.989.520
Vay dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng VPBank Trung Hoà Nhân Chính	608.600.000	608.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả - NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	3.060.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>63.830.420.307</b>	<b>90.518.049.781</b>

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ bao gồm:

- Khoản vay tại Công ty mẹ theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 30/VCBCT ngày 07 tháng 4 năm 2016 có tổng hạn mức là 30.000.000.000 VND, được dùng để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72,73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với tổng trị còn lại tại ngày 30/06/2016 là 13.194.675.585 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 13.194.675.585 đồng).
- Khoản vay phát sinh tại ông ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây dưới hình thức cấp tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ với số tiền tối đa là 30.000.000.000 VND với thời hạn được quy định trong từng lần rút vốn nhưng không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 20/2013/VCBCT ngày 29/03/2013, số 18/VCBCT ngày 26/01/2016 và số 19/VCBCT ngày 26/01/2016 như đã trình bày tại thuyết minh số 12. Lãi suất được áp dụng theo thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được sử dụng với mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nông sản. Khoản vay này có thể rút vốn bằng VND hoặc USD. Số dư USD tại ngày 30/06/2016 là 527.441 USD.

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ là khoản vay phát sinh tại Công ty Cổ phần Nông dược TSC theo hợp đồng tín dụng số 080.03/KHDN/2015-HĐTDHM/NHCT820- Cty CP TSC ngày 02 tháng 04 năm 2015 và tái ký 214/2016/HĐTDHM/NHCT820-CTY CP Nong duoc TSC ngày 13/05/2016 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón. Hợp đồng có hạn mức cho vay là 45.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là tới hết ngày 10/05/2017. Khoản vay có lãi suất được điều chỉnh một (01) tháng một lần, bằng lãi suất cơ sở (lãi suất huy động tiết kiệm cộng chi phí huy động vốn tăng thêm) cộng 3,5%/năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, khoản vay này được đảm bảo bằng một số nhà xưởng, máy móc, phương tiện vận tải của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh là khoản vay phát sinh tại Công ty Cổ phần FIT Consumer dưới hình thức khoản vay thấu chi để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay có thời hạn tối đa 6 tháng và nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi, hạn mức thấu chi 29.999.000.000 VND, thời gian hiệu lực từ 11/3/2016 đến hết ngày 26/10/2016, Lãi suất cho vay bằng lãi suất trên Hợp đồng tiền gửi 6.3%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất quy định của Ngân Hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần.

**20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	10.990.327.560	10.990.327.560	12.989.527.560	4.129.300.000	2.130.100.000	2.130.100.000
<b>Tổng</b>	<b>10.990.327.560</b>	<b>10.990.327.560</b>	<b>12.989.527.560</b>	<b>4.129.300.000</b>	<b>2.130.100.000</b>	<b>2.130.100.000</b>

Chi tiết các khoản vay như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng VPBank Trung Hoà Nhân Chính	1.825.800.000	2.130.100.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	9.164.527.560	-
<b>Cộng</b>	<b>10.990.327.560</b>	<b>2.130.100.000</b>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng, Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính có thời hạn 05 năm kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2015, với số tiền 3.043.000.000 VND. Khoản vay này dùng để mua sắm tài sản cố định là phương tiện vận tải, gốc vay sẽ được trả mỗi 03 tháng trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả khoản vay đầu tiên từ ngày 21 tháng 08 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất 10,7%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Lãi suất áp dụng tại ngày 30/06/2016 là 10,70%/năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 – Tài sản cố định hữu hình, Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ phát sinh tại Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây theo hợp đồng tín dụng từng lần số 02/VCBCT ngày 27 tháng 01 năm 2016 với số tiền vay tối đa là 15.300.000.000 VND. Khoản vay này dùng để mua sắm tài sản cố định là máy móc thiết bị, gốc vay sẽ được trả mỗi 03 tháng trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả khoản vay đầu tiên từ ngày 26 tháng 04 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất 6,7%/năm cho năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Từ năm thứ 2 trở đi lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng bình quân 4 Ngân hàng: Vietinbank, BIDV, VCB, Agribank cộng với biên độ tối thiểu 2,0%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty và tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 20/2013/VCBCT ngày 29/03/2013, số 18/VCBCT ngày 26/01/2016 và số 19/VCBCT ngày 26/01/2016 như đã trình bày tại thuyết minh số 12

*Lịch trả vay dài hạn:*

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.668.600.000	608.600.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.990.327.560	2.130.100.000
	<b>14.658.927.560</b>	<b>2.738.700.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.668.600.000	608.600.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>10.990.327.560</b>	<b>2.130.100.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị: VND
Số dư tại 31/12/2014	158.129.150.000	3.666.797.196	69.171.084.601	29.571.618.926	127.728.500	16.147.703.690	
Phân loại số dư đầu kỳ	-	-	29.571.618.926	(29.571.618.926)	-	-	
Phát hành cổ phiếu mới	1.318.351.690.000	33.465.256.910	(91.210.692.804)	-	-	(11.069.030.000)	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	108.635.428.028	
Chi thường bản điều hành	-	-	-	-	-	(207.126.500)	
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	(182.028.041)	
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>37.132.054.106</b>	<b>7.532.010.723</b>	<b>-</b>	<b>127.728.500</b>	<b>113.324.947.177</b>	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	31.648.091.624	
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	(1.851.924.358)	
<b>Số dư tại 30/06/2016</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>37.132.054.106</b>	<b>7.532.010.723</b>	<b>-</b>	<b>127.728.500</b>	<b>143.121.114.443</b>	

**Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- + Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- + Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

	30/06/2016	01/01/2016
	147.648.084	147.648.084
	147.648.084	147.648.084



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 1.476.480.840.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.476.480.840.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

STT	Cổ đông	30/06/2016		01/01/16	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Công ty CP Đầu tư FIT	837.005.230.000	56,69%	868.392.460.000	58,82%
2	Cổ đông khác	639.475.610.000	43,31%	608.088.380.000	41,18%
	<b>Cộng</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.476.480.840.000</b>	<b>100,00%</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ USD	171.523,44	315.821,98
Ngoại tệ EUR	440,40	451,32

**23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	758.482.661.594	261.655.916.932
Doanh thu bán thành phẩm	185.999.653.725	190.627.590.285
Doanh thu cung cấp dịch vụ	829.892.618	1.454.320.272
<b>Cộng</b>	<b>945.312.207.937</b>	<b>453.737.827.489</b>

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	16.473.434.158	2.329.515.951
- Giảm giá hàng bán;	22.517.829	150.872.223
- Hàng bán bị trả lại.	5.907.496.043	1.645.096.269
<b>Cộng</b>	<b>22.403.448.030</b>	<b>4.125.484.443</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	687.490.048.654	218.983.324.148
Giá vốn bán thành phẩm	152.013.776.317	141.771.522.850
Giá vốn cung cấp dịch vụ	602.302.571	-
<b>Cộng</b>	<b>840.106.127.542</b>	<b>360.754.846.998</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.432.440.402	203.680.610.016
Chi phí nhân công	71.369.497.742	31.006.981.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.099.952.273	7.297.887.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.541.383.162	19.375.498.709
Chi phí khác bằng tiền	20.688.020.721	5.344.222.689
<b>Cộng</b>	<b>248.131.294.300</b>	<b>266.705.200.311</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.933.724.371	227.741.642
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.561.346.312	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.066.286.758	739.400.483
Lãi chậm thanh toán	130.920.000	-
Lãi từ bán các khoản đầu tư	8.080.000.000	43.800.000.000
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	8.004.999.193	4.263.821.868
<b>Cộng</b>	<b>28.777.276.634</b>	<b>49.030.963.993</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.204.329.494	2.968.635.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá	434.636.628	747.617.253
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	3.176.837.278	-
Chi phí tài chính khác	42.547.016	21.700.557
<b>Cộng</b>	<b>6.858.350.416</b>	<b>3.737.953.007</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	28.433.103.483	5.436.066.848
Chi phí vật liệu, bao bì	5.806.066.533	153.475.150
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	55.428.475	56.446.944
Chi phí khấu hao TSCĐ	449.301.629	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.812.940.580	12.282.409.980
Các khoản chi phí bán hàng khác	13.735.914.018	9.726.498.919
<b>Cộng</b>	<b><u>70.292.754.718</u></b>	<b><u>27.654.897.841</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	11.339.425.397	4.230.359.697
Chi phí vật liệu quản lý	2.113.636	94.619.847
Chi phí đồ dùng văn phòng	155.275.294	28.427.586
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.121.107.514	1.410.926.846
Thuế, phí và lệ phí	769.942.039	549.564.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.168.440.896	1.007.737.434
Chi phí dự phòng	3.153.310.368	2.715.827.136
Các khoản chi phí QLDN khác	3.064.091.679	1.514.115.522
<b>Cộng</b>	<b><u>22.773.706.823</u></b>	<b><u>11.551.578.616</u></b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.648.091.624	81.763.264.325
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	147.648.084	35.714.067
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	214	2.289

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>30/06/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
Các khoản vay	74.820.747.867	92.648.149.781
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	29.384.810.110	228.710.160.100
Nợ thuần	45.435.937.757	-
Vốn chủ sở hữu	1.976.344.465.671	1.710.178.458.517
Tỉ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b>2,30%</b>	-

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.384.810.110	228.710.160.100	29.384.810.110	228.710.160.100
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.916.288.146	192.488.997.801	124.916.288.146	192.488.997.801
Đầu tư tài chính ngắn hạn	280.675.000.000	419.947.046.945	280.675.000.000	419.947.046.945
Đầu tư tài chính dài hạn	938.526.960.000	405.846.960.000	938.526.960.000	405.846.960.000
Các khoản phải thu về cho vay	-	257.266.937.500	-	257.266.937.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.373.503.058.256</b>	<b>1.504.260.102.346</b>	<b>1.373.503.058.256</b>	<b>1.504.260.102.346</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	74.820.747.867	92.648.149.781	74.820.747.867	92.648.149.781
Phải trả người bán và phải trả khác	132.203.101.951	101.247.471.689	132.203.101.951	101.247.471.689
Chi phí phải trả	21.669.519.584	11.450.183.790	21.669.519.584	11.450.183.790
<b>Tổng cộng</b>	<b>228.693.369.402</b>	<b>205.345.805.260</b>	<b>228.693.369.402</b>	<b>205.345.805.260</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.384.810.110	-	29.384.810.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.916.288.146	-	124.916.288.146
Đầu tư tài chính ngắn hạn	280.675.000.000	-	280.675.000.000
Các khoản ký quỹ	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>434.976.098.256</b>	<b>938.526.960.000</b>	<b>1.373.503.058.256</b>
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Các khoản vay	63.830.420.307	10.990.327.560	74.820.747.867
Phải trả người bán và phải trả khác	131.879.587.351	323.514.600	132.203.101.951
Chi phí phải trả	21.669.519.584	-	21.669.519.584
<b>Tổng cộng</b>	<b>217.379.527.242</b>	<b>11.313.842.160</b>	<b>228.693.369.402</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>217.596.571.014</b>	<b>927.213.117.840</b>	<b>1.144.809.688.854</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	228.710.160.100	-	228.710.160.100
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.090.209.058	10.398.788.743	192.488.997.801
Đầu tư tài chính ngắn hạn	419.947.046.945	-	419.947.046.945
Đầu tư tài chính dài hạn	-	405.846.960.000	405.846.960.000
Các khoản ký quỹ	257.266.937.500	-	257.266.937.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.088.014.353.603</b>	<b>416.245.748.743</b>	<b>1.504.260.102.346</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Các khoản vay	90.518.049.781	2.130.100.000	92.648.149.781
Phải trả người bán và phải trả khác	101.247.471.689	-	101.247.471.689
Chi phí phải trả	11.450.183.790	-	11.450.183.790
<b>Tổng cộng</b>	<b>203.215.705.260</b>	<b>2.130.100.000</b>	<b>205.345.805.260</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>884.798.648.343</b>	<b>414.115.648.743</b>	<b>1.298.914.297.086</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.</b>		
Nhận tiền vay	27.000.000.000	5.000.000.000
Trả nợ gốc vay	41.000.000.000	5.000.000.000
Thanh toán chi phí lãi vay	823.622.224	40.000.000
Chi phí lãi vay	823.622.224	-
Cho vay	201.900.000.000	-
Thu hồi tiền cho vay	400.582.000.000	-
Lãi vay	8.638.599.905	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	138.500.000.000
Chi phí lãi hợp tác đầu tư	-	10.000.002
Lãi hoạt động hợp tác đầu tư	1.426.197.882	1.184.032.978
Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư, lãi hợp tác đầu tư	100.827.500.000	85.847.584.921
Cần trừ các khoản hợp tác đầu tư với phải trả khác	-	4.135.555.556
Thu hộ chi phí hội chợ	-	275.594.000
Chi phí tư vấn	849.545.454	-
Chi phí thuê văn phòng	509.803.634	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	463.967.272	-
<b>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam</b>		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	225.600.000.000
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	113.125.001	1.634.598.334
Thu hồi các khoản hợp tác đầu tư, lãi hợp tác đầu tư	5.000.000.000	92.583.780.001
Mua hàng	141.000.000	-
Bán hàng	206.316.450	-

**Số dư các bên liên quan**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T.</b>		
Đầu tư ngắn hạn	-	100.827.500.000
Vay ngắn hạn	-	14.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	198.682.000.000
Phải trả người bán	170.493.000	-
<b>Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam</b>		
Đầu tư ngắn hạn	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	5.480.251	135.000.000
Phải thu khác	-	249.583.333

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**


**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**


*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ là báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.



  
Phan Minh Sáng  
Tổng Giám đốc  
Tp. Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2016

  
Trần Tấn Long Thạch  
Kế toán trưởng

  
Lê Đức Nhuận  
Người lập biểu